

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất năm 2020 tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong trường hợp:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”.

Đối với việc thực hiện các dự án có sử dụng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.

Đối với việc điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án, tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định:

“- Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo.

- Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2020, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Các dự án cần thu hồi đất phải theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013; dự án điều chỉnh vị trí thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

III. Quá trình xây dựng văn bản:

Ngày 24/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 12276/TTr-UBND đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 25/10/2019, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 755/HĐND-VP về việc thống nhất đề nghị xây dựng nghị quyết tại Tờ trình số 12276/TTr-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp nhu cầu của các ngành, địa phương, lập danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thực hiện các Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất,

giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2013, Khoản 4 Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, ngày 4/9/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn số 5945/STNMT-QH đề nghị UBND cấp huyện triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa để đôn đốc rà soát đánh giá và đăng ký danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020.

Ngày 16/10/2019, UBND tỉnh có Thông báo kết luận số 11868/TB-UBND chỉ đạo UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa khẩn trương rà soát, tổng hợp các dự án cần triển khai thực hiện trong năm 2020 mà phải thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả triển khai các dự án, công trình thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 01/9/2019 và ước thực hiện đến 31/12/2019 như sau:

1. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 là 170 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả thực hiện như sau:

Tổng số dự án, công trình đã và đang triển khai thực hiện được là 119 dự án với diện tích thu hồi là 813,19 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 36,46% về diện tích và đạt 70% tổng số dự án, cụ thể:

1.1. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có quyết định thu hồi đất là 23 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 187,27 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (sau đây viết tắt là theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 0,44 ha.

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô

thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (sau đây viết tắt là theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 11 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 87,19 ha.

+ Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (sau đây viết tắt là theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 0,41 ha.

+ Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (sau đây viết tắt là theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 98,35 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ: 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 0,88 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 01 kèm theo)

1.2. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có thông báo thu hồi đất là 46 dự án với diện tích thu hồi đất là 264,58 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 12 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 20,71 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 13 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 17,28 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 3 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 31,67 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 16 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 188,62 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ: 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 6,30 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 02 kèm theo)

1.3. Các công trình, dự án đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất là 50 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 361,34 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 10 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 131,87 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 23 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 66,80 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2,76 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 15 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 159,91 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 03 kèm theo)

1.4. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên, đến nay chưa triển khai thực hiện là 51 dự án với diện tích là 1.417,44 ha, chiếm 63,54% về diện tích và 30% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 16 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 13,99 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 22 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 353,43 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 10,21 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 7 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.035 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ: 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 4,81 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 04 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 là 82 dự án. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 101,31 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 21,21 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 7,66 ha. Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa:

Tổng số dự án đã được thông qua là 78 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 95,16 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 56 dự án với diện tích đất trồng lúa là 61,56 ha đạt 64,697% về diện tích và đạt 71,79% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 3 dự án với diện tích 1,72 ha.

- Dự án đã có quyết định thu hồi đất: 9 dự án với diện tích là 4,48 ha.

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 12 dự án với diện tích là 18,37 ha.
- Dự án đã có chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý: 32 dự án với diện tích 36,99 ha.
- Dự án chưa thực hiện: 22 dự án với diện tích 33,6 ha.

2.2. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 01 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 1,47 ha. Dự án này chưa thực hiện..

2.3. Dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng

Tổng số dự án đã được thông qua là 01 dự án, sử dụng từ đất rừng đặc dụng là 7,66 ha. Dự án này hiện đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý.

2.4. Dự án có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 02 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa 6,15 ha, đất rừng phòng hộ là 19,74 ha. Các dự án này chưa thực hiện.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 5A, 5B, 5C, 5D kèm theo)

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân:

- Chuyển từ đất lúa sang đất ở là 7,03 ha (Biên Hòa 0,64 ha, Cẩm Mỹ 0,77 ha, Định Quán 1,42 ha, Long Khánh 0,04 ha, Long Thành 0,71 ha, Tân Phú 0,01 ha, Trảng Bom 0,19 ha, Vĩnh Cửu 1,12 ha, Xuân Lộc 1,13 ha, Thống Nhất 1 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 83,81 ha (Cẩm Mỹ 13,77 ha, Định Quán 6,93 ha, Long Thành 15,00 ha, Tân Phú 1,31 ha, Trảng Bom 9,13 ha, Vĩnh Cửu 20,37 ha, Xuân Lộc 9,80 ha, Thống Nhất 2 ha, Biên Hòa 5,50 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 0,88 ha (thuộc huyện Trảng Bom).

- Chuyển đất lúa sang đất nông nghiệp khác là 11,83 ha (Tân Phú 1,73 ha, Xuân Lộc 0,95 ha, Vĩnh Cửu 9,80 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,48 ha ở huyện Vĩnh Cửu.

4. Đánh giá chung

Như vậy, kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 đạt gần 40% về diện tích và 70% về số lượng dự án đã phần nào đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Số lượng dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn

vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

Để việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả cao hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tập trung thực hiện các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tỉnh Đồng Nai.

V. Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 tỉnh Đồng Nai.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm 2020 tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện dự án. Qua rà soát, tổng hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

V.1. Các dự án cần thu hồi đất năm 2020

Tổng số dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 169 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 1.096,35, cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 26 dự án/34,55 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 33,01 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 90 dự án/628,08 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 442,31 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 22 dự án/236,57 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 232,85 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 31 dự án/393,87 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 388,18 ha.

V.2. Các dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Tổng số dự án điều chỉnh vị trí thực hiện là 31 dự án với tổng diện tích 313,78 ha, trong đó diện tích thu hồi 289,84 ha. Cụ thể:

Bảng 6. Số lượng dự án, công trình cần điều chỉnh quy mô, vị trí năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	7	49,84
2	Long Khánh	2	96,44
3	Cẩm Mỹ	11	38,79
4	Định Quán	1	0,28
5	Long Thành	3	52,05
6	Nhơn Trạch	1	13,00
7	Trảng Bom	2	3,48
8	Tân Phú	4	35,96
Tổng		31	289,84

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 12 kèm theo)

V.3. Các trường hợp có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2020.

1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 là 66 dự án với tổng diện tích đất trồng lúa 116,84 ha, đất rừng phòng hộ 3,25 ha, cụ thể như sau:

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa là 64 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 116,84 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng phòng hộ là 02 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 3,25 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

2. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2019.

- Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 188 ha, trong đó:

- + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 15 ha.
- + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 20 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 15 ha.
- + Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 20 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 35 ha.
- + Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 9 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 9 ha.
- + Tại các xã của huyện Thống Nhất: 10 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 10 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 30 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 15 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 34 ha, trong đó:

- + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 2 ha.
- + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 2 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 15 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 7 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 5 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 3 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 46 ha, trong đó:
- + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 20 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 5 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 10 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 11 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 58 ha, trong đó:
- + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 8 ha.
- + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 2 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 3 ha.
- + Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 5 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 5 ha.
- + Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 13 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.
- + Tại các xã của huyện Thống Nhất: 3 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 7 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 9 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 2 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 23 ha, trong đó:

- + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 5 ha.
- + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 9 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 1 ha.
- + Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 5 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 1 ha.

VI. Tổ chức thực hiện

Sau khi danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020 tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện, trong đó cập nhật đầy đủ danh mục dự án thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa cùng các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cũng như giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, CNN, KT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

